



Việt Nam và Liên minh Châu Âu

Báo cáo Thường niên chung 2021

**Việc thực hiện Hiệp định
Đối tác tự nguyện giữa Việt
Nam – EU về Thực thi Luật
Lâm nghiệp, Quản trị rừng
và Thương mại lâm sản**

Danh mục nội dung

1. GIỚI THIỆU	3
2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	6
2.1 Quản lý và giám sát việc thực hiện Hiệp định	6
Các thỏa thuận song phương.....	6
Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam.....	6
Các cuộc họp và Quyết định của Ủy ban thực thi chung trong năm 2021	6
Rà soát Định nghĩa gỗ hợp pháp (Phụ lục II của Hiệp định VPA/FLEGT)	7
2.2 Thực hiện Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	8
Xây dựng văn bản pháp luật và hướng dẫn.....	8
Sự phù hợp giữa quy định pháp luật trong nước và Hiệp định VPA/FLEG.....	10
Đào tạo, nâng cao năng lực và tham vấn	10
Áp dụng các biện pháp mới về kiểm soát gỗ nhập khẩu.....	11
2.3 Sự tham gia của các bên liên quan trong việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT	14
Nhóm nòng cốt đa bên	14
2.4 Các hoạt động hỗ trợ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT	15
Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT.....	15
Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.....	15
3. BỐI CẢNH THƯƠNG MẠI GỖ	17
3.1 Tổng quan ngành lâm nghiệp và công nghiệp gỗ của Việt Nam	17
3.2 Viet Nam's timber imports	21
3.3 Xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU và một số thị trường khác	23
3.4 Số liệu thống kê EU nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam.....	25
Phụ lục 1. Các Quyết định và công bố chính thức liên quan đến việc thực hiện VNTLAS	28
Phụ lục 2. Một số hoạt động nâng cao nhận thức, truyền thông và nâng cao năng lực được thực hiện trong năm 2021	29
Phụ lục 3. Danh sách các thành viên Nhóm nòng cốt đa bên về VPA/FLEGT.....	32
Phụ lục 4. Các thông tin được phổ biến trực tuyến cho các thành viên Nhóm nòng cốt trong năm 2020.....	34
Phụ lục 5. Thông tin liên hệ	35

Từ và chữ viết tắt

CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
COMEXT	Cơ sở dữ liệu thống kê Eurostat về thương mại hàng hóa
EFI	Viện Lâm nghiệp Châu Âu
EUTR	Quy chế gỗ của EU
FAO	Tổ chức Nông Lương thế giới
FLEGT	Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản
FPD	Cục Kiểm lâm
GIZ	Tổ chức Hợp tác phát triển Đức
IMM	Giám sát Thị trường độc lập
JEM	Tổ công tác kỹ thuật liên ngành
JIC	Ủy ban Thực hiện chung
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp
VNTLAS	Hệ thống Bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

Tỷ giá hối đoái (InforEuro), Tháng Mười hai, 2021:

1 EUR = 25,568 Việt Nam Đồng

1 US Dollar = 22,675 Việt Nam Đồng

1 EUR = 1.12 Đô la Mỹ

1. GIỚI THIỆU

Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2019. Báo cáo thường niên lần thứ ba về việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT được chuẩn bị cho giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2021. Phần 1 của Báo cáo giới thiệu tóm tắt các mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT và những điểm nổi bật về tiến độ thực hiện Hiệp định và kết quả đạt được trong kỳ báo cáo. Phần 2 tập trung vào các kết quả đạt được thông qua việc xây dựng Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, quản lý và giám sát việc thực hiện Hiệp định, sự tham gia của các bên liên quan và các hoạt động hỗ trợ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Phần 3 của Báo cáo cung cấp bối cảnh thương mại gỗ nói chung và thực trạng xuất nhập khẩu gỗ giữa Việt Nam và EU trong năm 2021.

Mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT

Mục tiêu của Hiệp định VPA/FLEGT là tạo ra khung pháp lý nhằm đảm bảo tất cả các sản phẩm gỗ từ Việt Nam xuất khẩu sang EU đều được sản xuất hợp pháp và xuất xứ từ các nguồn gỗ hợp pháp. Mục tiêu này phù hợp với cam kết chung của Việt Nam và EU trong việc quản lý bền vững tất cả các loại rừng. Để làm như vậy, Hiệp định VPA/FLEGT dự kiến sẽ góp một phần quan trọng trong cuộc chiến chống khai thác gỗ bất hợp pháp và thúc đẩy buôn bán các sản phẩm gỗ từ rừng được quản lý bền vững và khai thác tuân thủ pháp luật của quốc gia khai thác.

Mục tiêu của Hiệp định sẽ đạt được thông qua việc xây dựng Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) cùng với cơ chế cấp phép FLEGT nhằm đảm bảo rằng chỉ những sản phẩm hợp pháp mới có thể đi vào thị trường EU. Cơ chế cấp phép FLEGT chỉ áp dụng cho gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang EU, tuy nhiên phạm vi của Hệ thống VNTLAS áp dụng cho thị trường trong nước và tất cả các thị trường xuất khẩu ngoài EU. Về nguồn gốc gỗ, Hệ thống VNTLAS áp dụng đối với tất cả các nguồn gỗ, bao gồm gỗ từ nguồn khai thác trong nước cũng như gỗ từ các nguồn nhập khẩu. Hệ thống VNTLAS áp dụng cho tất cả các chủ thể tham gia vào chuỗi cung ứng.

Song song với Hiệp định VPA/FLEGT, Việt Nam và EU cũng đã ký Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) vào năm 2019. Mặc dù là các Hiệp định riêng biệt nhưng Hiệp định VPA/FLEGT là một phần quan trọng của các điều khoản rộng hơn trong Hiệp định EVFTA. Hiệp định VPA/FLEGT liên quan đến việc thực hiện Chương “Thương mại và Phát triển bền vững” của Hiệp định EVFTA, bao gồm các quy định về quản lý rừng bền vững và thương mại lâm sản.

TÓM TẮT

Điểm nổi bật về tiến độ và kết quả đạt được trong năm 2021

- Trong năm 2021, việc quản lý và giám sát tổ chức thực hiện Hiệp định ngày càng được củng cố. Hai hoạt động quan trọng hỗ trợ thực hiện Hiệp định đã được Ủy ban thực thi chung (JIC) phê duyệt và có hiệu lực thi hành từ tháng 4 năm 2021, bao gồm: Khung

giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT (được JIC phê duyệt tại Quyết định số 2/2021) và Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT (được JIC phê duyệt tại Quyết định số 3/2021).

- Phiên họp lần thứ tư của JIC được tổ chức vào tháng 12 năm 2021. Phiên họp đã rà soát tiến độ xây dựng Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS). Một số công việc kỹ thuật cũng được trình bày và thảo luận tại Phiên họp, bao gồm phân tích sự phù hợp giữa các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và quy định pháp luật trong nước tương ứng của Việt Nam; và rà soát, cập nhật Phụ lục II của Hiệp định VPA/FLEGT về Định nghĩa gỗ hợp pháp.
- Sau khi Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống VNTLAS được Chính phủ ban hành năm 2020, Thông tư quy định chi tiết trình tự, thủ tục của hệ thống phân loại doanh nghiệp (Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021) đã được ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.
- Một văn bản pháp luật khác có liên quan đến thực thi pháp luật và Hệ thống VNTLAS là Nghị định số 07/2022/NĐ-CP (ngày 10/01/2022) sửa đổi quy định pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Các nội dung sửa đổi đã bao gồm xử phạt vi phạm đối với xuất nhập khẩu bất hợp pháp gỗ và sản phẩm gỗ, và không tuân thủ yêu cầu về khai báo và báo cáo theo quy định của Hệ thống VNTLAS.
- Tổng cục Lâm nghiệp đã tổ chức một loạt các lớp đào tạo, tập huấn và hội thảo về quy định của Hệ thống VNTLAS cho cán bộ kiểm lâm, cán bộ hải quan, doanh nghiệp và các bên liên quan khác trên cả nước với trên 700 người tham dự. Nhiều sản phẩm truyền thông và hoạt động đào tạo, tập huấn cho các nhóm đối tượng khác nhau, ví dụ như nhà nhập khẩu gỗ, doanh nghiệp siêu nhỏ trong các làng nghề gỗ, các nhà sản xuất gỗ tiêu điền và gỗ cao su, và người tiêu dùng trong nước, cũng được nhiều dự án, tổ chức thực hiện.
- Theo số liệu thống kê thương mại của hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2021 đạt 14,8 tỷ USD, tăng 19,69% so với năm 2020. Cũng theo số liệu từ Tổng cục Lâm nghiệp, xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu đã phục hồi trong năm 2021, đạt khoảng 868 triệu USD so với 520 triệu USD trong năm 2020.
- Số liệu thống kê thương mại của EU cũng cho thấy kim ngạch nhập khẩu của các nước thành viên EU (kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng thuộc mã HS44 và HS94 mà sẽ được cấp phép FLEGT trong tương lai) đã tăng khoảng 10,4% từ 281,5 triệu EURO năm 2020 lên 310,8 triệu EURO năm 2021. Các mặt hàng EU nhập khẩu chính vẫn là các mặt hàng thuộc mã HS94, bao gồm đồ gỗ trong nhà và ngoài trời, chiếm khoảng 88% kim ngạch nhập khẩu năm 2021.

CÁC ƯU TIÊN TRONG NĂM 2022

Các ưu tiên trong năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và Hệ thống VNTLAS bao gồm:

- Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT (ban hành năm 2018) về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản, dự kiến trình Bộ ban hành vào cuối năm;
- Tổng kết, đánh giá bước đầu triển khai thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống VNTLAS, từ đó tiến hành sửa đổi, bổ sung Nghị định vào năm 2023;
- Hỗ trợ, giám sát và tiếp tục thực hiện hệ thống phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT;
- Xây dựng và ban hành sổ tay, hướng dẫn kỹ thuật và các công cụ khác và xây dựng nguồn lực cho doanh nghiệp và cơ quan xác minh về các cấu phần khác nhau của Hệ thống VNTLAS;
- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn bổ sung cho cán bộ kiểm lâm, cán bộ hải quan và nhà nhập khẩu về các yêu cầu và xác minh tính hợp pháp đối với gỗ nhập khẩu;
- Phát triển hơn nữa các nguồn lực trực tuyến để công bố thông tin và thực hiện các hoạt động truyền thông về các nội dung và chủ đề liên quan đến VPA/FLEGT.

Các ưu tiên trong việc quản lý và giám sát việc thực hiện Hiệp định trong năm 2022^[1] bao gồm:

- Thành lập Tổ kỹ thuật chung để làm việc sâu hơn trong việc xây dựng các biện pháp kiểm soát gỗ nhập khẩu, bao gồm phương pháp xây dựng danh sách các loài gỗ rủi ro cao, danh sách các quốc gia và vùng địa lý tích cực, và danh sách các hệ thống chứng chỉ được Việt Nam công nhận;
- Xây dựng chi tiết cho lộ trình dự kiến mở rộng quy mô hệ thống phân loại doanh nghiệp mà đã được các bên nhất trí tại Phiên họp lần thứ tư của JIC;
- Thực hiện đánh giá cơ sở cho giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT với sự tham gia của các thành viên Nhóm nòng cốt đa bên dựa trên Khung giám sát và đánh giá đã được phê duyệt trong năm 2021.

Đọc thêm về Hiệp định VPA/FLEGT

❖ Toàn văn Hiệp định

<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex:52018PC0514>

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/van-kien-hiep-dinh-vpaflegt-20210727024015>

❖ Tài liệu hỏi đáp về Hiệp định

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/so-tay-hoi-dap-ve-hiep-dinh-vpaflegt-20210727020735>

¹ Biên bản Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban thực thi chung được tổ chức vào tháng 12 năm 2021.

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/bien-ban-tom-tat-phen-hop-jic-4-20220802014505>

2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1 Quản lý và giám sát việc thực hiện Hiệp định

Các thỏa thuận song phương

Ủy ban thực thi chung (JIC) được thành lập vào tháng 10 năm 2019 có chức năng quản lý và giám sát việc thực hiện Hiệp định. Đồng chủ tịch của JIC là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đại diện cho phía Việt Nam, và Đại sứ, Trưởng phái đoàn EU tại Việt Nam. Hỗ trợ kỹ thuật cho JIC là Tổ công tác kỹ thuật liên ngành (JEM), bao gồm đại diện của cả hai bên và do Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và Tham tán của Phái đoàn EU đồng chủ trì. Ban thư ký chung gồm Văn phòng thường trực FLEGT được đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp và đầu mối của Phái đoàn EU giữ vai trò điều phối.^[2]

Về phía Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao nhiệm vụ chủ trì việc thực hiện Hiệp định thay mặt Chính phủ Việt Nam. Đại diện các Bộ, ngành tham gia JEM và JIC bao gồm Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính, và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam.^[3] Về phía EU, tham dự các phiên họp của JEM và JIC có đại diện của Phái đoàn EU tại Việt Nam, Tổng vụ Môi trường của Ủy ban Châu Âu, cùng với đại diện các quốc gia thành viên EU tại Việt Nam. Đại diện của Nhóm nông cốt đa bên cũng tham dự các phiên họp JEM/JIC.

Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam

Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1624/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2019.^[4] Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT cho các Bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương, cũng như xác định vai trò của các tổ chức ngoài nhà nước và Nhóm nông cốt đa bên trong việc triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Cùng với Khung thực hiện chung đã được các bên thông qua vào năm 2017, kế hoạch này của Chính phủ đã được sử dụng như một khuôn khổ để theo dõi tiến độ thực hiện Hiệp định.

Các cuộc họp và Quyết định của Ủy ban thực thi chung trong năm 2021

Dự kiến hai phiên họp của JIC sẽ được tổ chức trong năm 2021. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, chỉ có một phiên họp có thể được tổ chức trong năm qua.

² Quyết định số 1/2020 của Ủy ban thực thi chung về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Ủy ban thực thi chung. <https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/quyet-dinh-so-01-cua-jic-thong-qua-quy-che-hoat-dong-cua-jic-20210728114528>

³ Quyết định số 2331/2020/QĐ-BNN-TCCB (ngày 23/06/2020) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Ủy ban thực thi chung về VPA/FLEGT.

⁴ Quyết định số 1624/QĐ-TTg (ngày 14/11/2019) của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. <https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/quyet-dinh-ban-hanh-ke-hoach-cua-bo-nnptnt-thuc-hien-quyet-dinh-so-1624qd-ttg-20210728114314>

Phiên họp lần thứ tư của JIC đã được tổ chức vào tháng 12 năm 2021, trước đó là phiên họp của Tổ công tác kỹ thuật liên ngành.^[5] Mặc dù các phiên họp đã bị trì hoãn cho đến cuối năm, tuy nhiên tiến độ thực hiện liên quan đến xây dựng hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp vẫn được duy trì trong suốt năm qua. Một số công việc kỹ thuật đã được thực hiện và đã được trình bày, thảo luận tại phiên họp JIC, bao gồm: (i) so sánh giữa các quy định của Hiệp định VPA/FLEGT và các văn bản pháp luật tương ứng trong nước; (ii) rà soát và cập nhật Phụ lục II về Định nghĩa gỡ hợp pháp của Hiệp định VPA/FLEGT; và (iii) các công việc chuẩn bị cho giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT.

Thực hiện kết luận tại Phiên họp JIC trước đó vào tháng 11 năm 2020, các đồng chủ tịch JIC đã chính thức thông qua hai văn bản giúp định hướng việc thực hiện Hiệp định, bao gồm: (i) Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT; và (ii) Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT.^{[6][7]}

Rà soát Định nghĩa gỡ hợp pháp (Phụ lục II của Hiệp định VPA/FLEGT)

Định nghĩa gỡ hợp pháp theo quy định tại Phụ lục II của Hiệp định VPA/FLEGT được xây dựng trong quá trình đàm phán Hiệp định và bao gồm các quy định pháp luật hiện hành tính đến tháng 5 năm 2017 khi kết thúc quá trình đàm phán. Kể từ đó, đã có nhiều thay đổi đối với các văn bản pháp luật, đặc biệt là sau khi Luật Lâm nghiệp có hiệu lực vào tháng 1 năm 2019.

Tại Phiên họp JIC lần thứ ba, các bên thống nhất thực hiện rà soát Định nghĩa gỡ hợp pháp trong năm 2021.^[8] Một nhóm các chuyên gia đã được thuê tuyển để tiến hành rà soát và cập nhật Định nghĩa gỡ hợp pháp theo các quy định pháp luật hiện hành tính đến tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, JIC lưu ý rằng trong thời gian tới các quy định pháp luật sẽ có thêm nhiều thay đổi căn cứ theo kế hoạch sửa đổi hoặc thay thế một vài văn bản pháp luật liên quan đến Hệ thống VNTLAS (Hộp 2). Điều này sẽ yêu cầu cập nhật thêm đối với Định nghĩa gỡ hợp pháp. Theo đó, JIC đã nhất trí tạm dừng việc cập nhật Định nghĩa gỡ hợp pháp cho đến khi hoàn thành việc sửa đổi các văn bản pháp luật.

⁵ Biên bản Phiên họp lần thứ tư Ủy ban thực thi chung, tháng 12 năm 2021.

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/bien-ban-tom-tat-phiên-hop-jic-4-20220802014505>

⁶ Quyết định số 2/2021 của Ủy ban thực thi chung phê duyệt Khung Giám sát và đánh giá thực thi Hiệp định VPA/FLEGT (có hiệu lực từ ngày 16 tháng 4 năm 2021).

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/quet-dinh-so-02-cua-jic-thong-qua-khung-giam-sat-danh-gia-thuc-thi-hiep-dinh-vpaflegt-20210728114830>

⁷ Quyết định số 3/2021 của Ủy ban thực thi chung phê duyệt Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT (có hiệu lực từ ngày 16 tháng 4 năm 2021).

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/quet-dinh-so-03-cua-jic-thong-qua-ke-hoach-truyen-thong-va-cong-bo-thong-tin-ve-hiep-dinh-vpaflegt-20210728114941>

⁸ Cơ sở cho việc rà soát được quy định tại Mục 1g, Phụ lục IX của Hiệp định VPA/FLEGT, về chức năng của JIC – “Tiếp nhận thông báo từ một trong hai Bên về những thay đổi liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật tham chiếu được nêu tại Phụ lục II về Định nghĩa gỡ hợp pháp. Các Bên, thông qua JIC, xem xét sự cần thiết của việc cập nhật Phụ lục II ít nhất 2 năm một lần.”

2.2 Thực hiện Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

Xây dựng văn bản pháp luật và hướng dẫn

Trong giai đoạn 2019-2021, Việt Nam ưu tiên xây dựng văn bản pháp luật trong nước để thực hiện các cam kết của Hiệp định VPA/FLEGT. Các văn bản pháp luật liên quan đến thực hiện VNTLAS được liệt kê trong Hộp 2. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, là một trong số những văn bản đó, có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2020.^[9] Nghị định là cơ sở cho việc thực hiện 4 cấu phần chính của Hệ thống VNTLAS, bao gồm: kiểm soát gỗ nhập khẩu (có hiệu lực ngay trong tháng 10 năm 2020), hệ thống phân loại doanh nghiệp (có hiệu lực trong năm 2022), cơ chế cấp phép FLEGT và đánh giá độc lập (đều có hiệu lực vào một thời điểm trong tương lai do hai bên quyết định thông qua Ủy ban thực thi chung).

Sau khi ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, việc xây dựng Thông tư quy định chi tiết hệ thống phân loại doanh nghiệp đã được thực hiện trong năm 2021. Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành vào ngày 29 tháng 12 năm 2021, theo đó hệ thống phân loại doanh nghiệp sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày 01 tháng 5 năm 2022.^[10] Kể từ ngày này trở đi, Cục Kiểm lâm sẽ bắt đầu vận hành hệ thống và các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sẽ phải đăng ký vào hệ thống.

Văn bản pháp luật khác cũng được xây dựng trong năm 2021 liên quan đến thực thi pháp luật và thực hiện Hệ thống VNTLAS, đó là Nghị định số 07/2022/NĐ-CP (ngày 10/01/2021) sửa đổi Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (ban hành năm 2019) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.^[11] Nghị định số 07/2022/NĐ-CP bổ sung một số điều về các hành vi vi phạm hành chính và xử phạt áp dụng đối với: (a) nhập khẩu và xuất khẩu bất hợp pháp gỗ và sản phẩm gỗ; (b) không tuân thủ các yêu cầu khai báo trong hệ thống phân loại doanh nghiệp; và (c) không tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo quy định của Hệ thống VNTLAS. Nghị định số 07/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trong năm 2021, đã có kế hoạch xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản. Thông tư này sẽ được xây dựng trong năm 2022 và dự kiến trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành vào cuối năm.^[12] Quá trình xây dựng sẽ tuân thủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các chuyên khảo sát hiện trường và tham vấn các bên liên quan để thu thập ý kiến về cách thức củng cố, hợp lý hóa và hiện đại hóa hệ thống kiểm soát chuỗi cung ứng lâm sản phù hợp với các quy định chung của Luật Lâm nghiệp và Hệ thống VNTLAS.

⁹ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP (ngày 01/09/2020) quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

¹⁰ Thông tư số 21/TT-BNNPTNT (ngày 29/12/2021) quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

¹¹ Nghị định số 07/2022/NĐ-CP (ngày 10/01/2022) sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y và chăn nuôi.

¹² Quyết định số 42/QĐ-TCLN-KL (ngày 24/01/2022) của Tổng cục Lâm nghiệp ban hành kế hoạch xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Hộp 2. Văn bản pháp luật chính liên quan đến thực hiện Hệ thống VNTLAS

Các cấu phần của Hệ thống VNTLAS	Văn bản pháp luật trong nước tương ứng
Cơ sở pháp lý cho việc hình thành hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Lâm nghiệp (2017), Chương VII, Điều 69
Quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản (chuỗi cung ứng)	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT (ngày 16/11/2018) về quản lý và truy xuất nguồn gốc lâm sản • Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT dự kiến được xây dựng trong năm 2022
Kiểm soát nhập khẩu và xuất khẩu gỗ	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Hải quan (2014) và các quy định hải quan liên quan • Nghị định số 102/NĐ-CP (ngày 01/09/2020) quy định Hệ thống VNTLAS
Hệ thống phân loại doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 102/NĐ-CP (ngày 01/09/2020) quy định Hệ thống VNTLAS • Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT (ngày 29/12/2021) quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ
Hệ thống cấp phép FLEGT	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 102/NĐ-CP (ngày 01/09/2020) quy định Hệ thống VNTLAS
Đánh giá độc lập	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 102/NĐ-CP (ngày 01/09/2020) quy định Hệ thống VNTLAS
Vi phạm và xử phạt	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ Luật Hình sự (2015, sửa đổi 2017) • Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (ngày 24/04/2019) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp • Nghị định số 07/NĐ-CP (ngày 10/01/2022) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp
Định nghĩa gỗ hợp pháp	<ul style="list-style-type: none"> • Các luật và quy định liên quan đến sử dụng đất, đăng ký doanh nghiệp, môi trường, lao động, thuế, v.v.

Kế hoạch đánh giá giai đoạn đầu thực hiện Nghị định số 102/2022/NĐ-CP trong năm 2022 cũng đã được xây dựng, sau đó sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung Nghị định trong năm 2023.^[13] Đánh giá việc thực hiện Nghị định quy định VNTLAS sẽ được thực hiện trong Quý II và III năm 2022 nhằm xác định và đánh giá một số nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định.

¹³ Quyết định số 43/QĐ-TCLN-KL (ngày 24/01/2022) của Tổng cục Lâm nghiệp ban hành kế hoạch sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

Sự phù hợp giữa quy định pháp luật trong nước và Hiệp định VPA/FLEG

Trong năm 2021, các bên đã tiến hành phân tích chi tiết về sự phù hợp giữa Hiệp định VPA/FLEGT và quy định pháp luật trong nước tương ứng của Việt Nam. Việc này bao gồm xây dựng Bảng so sánh đã được trình bày tại Phiên họp lần thứ tư của JIC vào tháng 12 năm 2021.^[14] Nhìn chung, Việt Nam đã có căn cứ pháp lý cho việc triển khai thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Tuy nhiên, một số vấn đề và điểm chưa thống nhất quan trọng đã được xác định và cần được giải quyết để hướng tới triển khai thực hiện đầy đủ Hiệp định và Hệ thống VNTLAS. Các điểm chưa thống nhất này chủ yếu liên quan đến kiểm soát gỗ nhập khẩu và hệ thống phân loại doanh nghiệp.

Phiên họp lần thứ tư của JIC đã nhất trí về giải pháp cho các vấn đề này.^[15] Phiên họp nhất trí rằng một Tổ kỹ thuật chung sẽ làm việc sâu hơn về kiểm soát gỗ nhập khẩu, bao gồm phương pháp luận xây dựng danh sách các loài gỗ rủi ro cao, danh sách các quốc gia và vùng địa lý tích cực và danh sách các hệ thống chứng chỉ được Việt Nam công nhận. JIC cũng nhất trí về lộ trình dự kiến cho cách tiếp cận theo giai đoạn để mở rộng quy mô của hệ thống phân loại doanh nghiệp mà cũng sẽ được xây dựng chi tiết hơn trong thời gian tới.

Dự kiến rằng các công việc kỹ thuật này sẽ được đưa vào kế hoạch đánh giá và sửa đổi Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được thực hiện trong năm 2022 và 2023 như đề cập ở trên.

Đào tạo, nâng cao năng lực và tham vấn

Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ kiểm lâm, hải quan, doanh nghiệp và các bên liên quan khác là ưu tiên hàng đầu cho việc triển khai thực hiện thành công Hệ thống VNTLAS. Để đạt được mục đích này, Cục Kiểm lâm thuộc Tổng cục Lâm nghiệp đã và đang triển khai chương trình đào tạo do Dự án của Tổ chức hợp tác Đức GIZ hỗ trợ.^[16]

Trong năm 2021, đã tổ chức 11 khóa tập huấn về Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và kiểm soát gỗ nhập khẩu cho các cán bộ kiểm lâm và hải quan địa phương trên cả nước; và 9 lớp tập huấn cho các hiệp hội gỗ, doanh nghiệp và cán bộ kiểm lâm về trách nhiệm giải trình (Bảng 1). Ngoài ra, đã tổ chức 9 cuộc họp tham vấn về các cấu phần của Hệ thống VNTLAS. Đã có 730 người tham dự các lớp tập huấn, đào tạo và các hội thảo tham vấn này, trong đó nữ giới chiếm 24%.

Các tổ chức và dự án khác cũng thực hiện các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực về các chủ đề liên quan đến VNTLAS, chi tiết tại Phụ lục 2.

¹⁴ Bảng so sánh giữa Hiệp định VPA/FLEGT và quy định pháp luật trong nước của Việt Nam được trình bày tại Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban thực thi chung vào tháng 12 năm 2021 (Phần 1: Bảng so sánh chi tiết; Phần 2: Bảng so sánh tóm tắt).

¹⁵ Biên bản Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban thực thi chung vào tháng 12 năm 2021.

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/bien-ban-tom-tat-phiien-hop-jic-4-20220802014505>

¹⁶ Dự án do GIZ triển khai thực hiện, được Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế Liên bang Đức (BMZ) ủy nhiệm và Bộ Ngoại giao và Phát triển quốc tế Vương quốc Anh (UK-FCDO) đồng tài trợ.

Bảng 1. Các lớp tập huấn và hội thảo tham vấn về VNTLAS được Cục Kiểm lâm thực hiện trong năm 2021 với sự hỗ trợ của Dự án GIZ

Nội dung	Đối tượng mục tiêu	Địa điểm tổ chức	Người tham dự		
			Tổng số	Nữ	
1	Tập huấn tiểu giáo viên và tập huấn về kiểm soát gỗ nhập khẩu theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP	Cán bộ hải quan và cán bộ kiểm lâm các tỉnh và thành phố	Hải Phòng, Quảng Bình, Cần Thơ, Hà Nội, Cao Bằng	275	38
2	Tập huấn tiểu giáo viên và tập huấn về trách nhiệm giải trình và gỗ nhập khẩu theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP	Hiệp hội gỗ, doanh nghiệp và cán bộ kiểm lâm địa phương	Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Vĩnh Phúc	231	89
3	Hội thảo tham vấn về các cấu phần của Hệ thống VNTLAS, bao gồm kiểm soát gỗ nhập khẩu, hệ thống phân loại doanh nghiệp và tài liệu tập huấn	Cán bộ kiểm lâm, cán bộ hải quan, hiệp hội gỗ và các bên liên quan khác	Nhiều địa điểm tổ chức	224	45

Nguồn: Cục Kiểm lâm và Dự án GIZ.

Áp dụng các biện pháp mới về kiểm soát gỗ nhập khẩu

Hệ thống VNTLAS nhằm đảm bảo rằng chỉ có gỗ khai thác hợp pháp được nhập khẩu vào Việt Nam. Điều này đang được thực hiện thông qua áp dụng phương pháp xác minh dựa trên rủi ro và kiểm soát gỗ nhập khẩu với các cấu phần chính được mô tả tại Hộp 3.

Yêu cầu về trách nhiệm giải trình và kê khai là các quy định mới đối với nhà nhập khẩu, do vậy nhà nhập khẩu sẽ phải cần thời gian để quen với các nghĩa vụ và thủ tục mới này. Phương pháp xác minh dựa trên rủi ro cũng đặt ra một số yêu cầu bổ sung đối với các cơ quan xác minh, bao gồm cán bộ kiểm lâm địa bàn và công chức hải quan tại cửa khẩu. Do đó, cần phải có một phương pháp toàn diện hỗ trợ áp dụng các biện pháp kiểm soát gỗ nhập khẩu, bao gồm công bố thông tin, nâng cao năng lực, nghiên cứu, phân tích và hỗ trợ kỹ thuật, và tăng cường hợp tác quốc tế.

Thông báo và công bố thông tin chính thức

Để kịp thời thực hiện các quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và các quy định về kiểm soát gỗ nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Lâm nghiệp đã ban hành một số quyết định điều hành và thông báo công khai được liệt kê tại Phụ lục 1.^[17] Các thông báo này bao gồm công bố 6 tháng một lần danh sách các loài gỗ đã được nhập khẩu vào Việt Nam và danh sách các vùng địa lý tích cực theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. Hướng dẫn chính thức cũng đã được đưa ra theo yêu cầu của cơ

¹⁷ Cục Kiểm lâm <http://www.kiemlam.org.vn/>

quan hải quan và các hiệp gổ, doanh nghiệp nhằm làm rõ các quy định nhập khẩu gổ, các yêu cầu và thủ tục về giấy tờ, tài liệu.

Hộp 3. Cấu phần chính của quy định mới về kiểm soát gổ nhập khẩu của Việt Nam

- **Yêu cầu kê khai.** Hệ thống VNTLAS yêu cầu rằng tất cả gổ nhập khẩu vào Việt Nam phải được sản xuất tuân thủ quy định pháp luật liên quan của quốc gia khai thác. Nhà nhập khẩu có thể chứng minh tính hợp pháp bằng cách xuất trình giấy phép FLEGT hoặc tương đương từ quốc gia VPA khác; giấy phép CITES còn hiệu lực; hoặc nhà nhập khẩu có thể nộp bản kê khai chứng minh việc thực hiện trách nhiệm giải trình. Bản kê khai sẽ được nộp cùng với tờ khai và các tài liệu hải quan theo quy định hiện hành.
- **Yêu cầu về trách nhiệm giải trình trong bản kê khai.** Trách nhiệm giải trình yêu cầu nhà nhập khẩu trước tiên phải thu thập thông tin về quy định pháp luật liên quan tại quốc gia nơi gổ được khai thác nhằm xác định các quy định pháp luật cần phải được đáp ứng. Việc này bao gồm luật và quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp, quyền khai thác gổ, thuế và các loại phí, thương mại và hải quan. Đồng thời, nhà nhập khẩu phải thu thập thông tin về các rủi ro liên quan đến bất hợp pháp tại quốc gia đó. Thông tin thu thập được về hai nội dung này được sử dụng để đánh giá rủi ro nhằm xác định xem có rủi ro gổ được khai thác, vận chuyển, chế biến, buôn bán hoặc xuất khẩu bất hợp pháp hay không. Khi xác định được các rủi ro, nhà nhập khẩu sẽ phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp, ví dụ như yêu cầu hồ sơ, giấy tờ bổ sung hoặc xác thực độc lập các tài liệu do nhà cung cấp gửi.
- **Các bộ lọc xác minh rủi ro.** Để tăng cường hệ thống trách nhiệm giải trình, ba bộ lọc xác minh rủi ro được áp dụng. Các bộ lọc này bao gồm hệ thống đánh giá rủi ro hiện hành của hải quan và hai bộ lọc bổ sung về loài rủi ro và vùng địa lý rủi ro. Theo các bộ lọc này, nhập khẩu của các nhà khai thác cụ thể, nhập khẩu các loài cụ thể hoặc nhập khẩu từ quốc gia/vùng địa lý cụ thể sẽ tự động được coi là “rủi ro cao” và phải tuân theo các yêu cầu bổ sung và được kiểm tra kỹ lưỡng.
- **Yêu cầu về tài liệu bổ sung.** Đối với gổ nhập khẩu là loài rủi ro cao và/hoặc đến từ vùng địa lý không tích cực, cần phải có tài liệu bổ sung chứng minh tính hợp pháp của gổ nhập khẩu. Tài liệu bổ sung này có thể bao gồm chứng chỉ tự nguyện hoặc chứng chỉ quốc gia được Việt Nam công nhận là đáp ứng các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS; giấy phép khai thác hợp pháp theo quy định của quốc gia khai thác; hoặc tài liệu bổ sung thay thế chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gổ theo quy định pháp luật của quốc gia khai thác.
- **Xác minh rủi ro của gổ nhập khẩu.** Việc tuân thủ các quy định pháp luật về nhập khẩu sẽ được cơ quan hải quan phối hợp với cơ quan kiểm lâm sở tại xác minh thông qua kiểm tra hải quan và kiểm tra sau thông quan. Trong trường hợp không tuân thủ các quy định pháp luật về nhập khẩu thì các biện pháp xử phạt hành chính hoặc hình sự phù hợp và mang tính răn đe sẽ được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Nâng cao năng lực cho cơ quan xác minh và nhà nhập khẩu

Ưu tiên trong năm 2021 và trong thời gian tới là phát triển thêm các dịch vụ thông tin và tư vấn hiệu quả cho nhà nhập khẩu. Đặc biệt, cần phải nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực về các phương pháp thực hiện trách nhiệm giải trình và nhà nhập khẩu cần phải được tiếp cận các thông tin cập nhật liên quan đến các quy định về tính hợp pháp của gỗ được áp dụng tại các quốc gia xuất khẩu gỗ cho Việt Nam.

Một vài tổ chức quốc tế đang hỗ trợ đào tạo chuyên sâu cho các cơ quan hải quan và kiểm lâm của Việt Nam về các vấn đề khác nhau liên quan đến kiểm soát buôn bán trái phép gỗ và động vật hoang dã, bao gồm Tổ chức Hải quan thế giới, Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm, TRAFFIC, USAID và dự án về VPA do GIZ thực hiện.

Nghiên cứu, phân tích, hỗ trợ kỹ thuật

Các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ kỹ thuật được Cục Kiểm lâm và dự án GIZ thực hiện trong năm 2021 bao gồm: (i) nghiên cứu về chuỗi cung ứng gỗ nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam; (ii) biên soạn và xuất bản tài liệu về các yêu cầu và đánh giá rủi ro về tính hợp pháp của gỗ tại 10 quốc gia xuất khẩu gỗ nhiệt đới vào Việt Nam (5.000 bản đã được phát hành cho các bên liên quan vào tháng 11 năm 2021); (iii) xây dựng hướng dẫn để xác định rủi ro liên quan đến các loài gỗ quan trọng nhập khẩu từ Châu Phi; (iv) đánh giá nhu cầu nâng cao năng lực cho cơ quan hải quan; và (v) chương trình cố vấn và hỗ trợ tích hợp đánh giá rủi ro đối với gỗ nhập khẩu vào các thủ tục hải quan thông thường.

Hợp tác vùng và hợp tác song phương

Bên cạnh việc là một thành viên tích cực tham gia vào các diễn đàn hợp tác quốc tế và hợp tác vùng trong lĩnh vực lâm nghiệp, Việt Nam đã ký 10 Biên bản ghi nhớ (MoU) về hợp tác song phương trong lĩnh vực lâm nghiệp với các quốc gia có chung đường biên giới và các quốc gia có thương mại lâm sản với Việt Nam.^[18] Các Biên bản ghi nhớ này tạo cơ sở cho đối thoại thường xuyên giữa các bên, trao đổi thông tin về chính sách và quy định pháp luật của quốc gia, thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp, phối hợp kiểm soát xuyên biên giới, phối hợp thực hiện Công ước CITES và các công ước khác, và tăng cường các hoạt động thực thi pháp luật góp phần kiểm soát các hoạt động buôn bán trái phép gỗ và động vật hoang dã.

Năm 2021, Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan quản lý lâm nghiệp của một số quốc gia xuất khẩu gỗ sang Việt Nam đã có những trao đổi sơ bộ về tiềm năng ký Biên bản ghi nhớ hợp tác song phương mới, cũng như nâng cấp Biên bản ghi nhớ hiện có.

¹⁸ Bao gồm: Hàn Quốc, Campuchia, Trung Quốc (2), Hoa Kỳ, Lào, Nam Phi, Indonesia, Mozambique và Cộng hòa Czech.

2.3 Sự tham gia của các bên liên quan trong việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT

Nhóm nòng cốt đa bên

Nhóm nòng cốt đa bên được thành lập vào năm 2017 với chức năng là đầu mối điều phối và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Các thành viên đăng ký tham gia Nhóm theo tinh thần tự nguyện. Chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Nhóm đã được các bên liên quan thống nhất trong quá trình thành lập Nhóm.^[19] Hiện nay, Nhóm có 46 thành viên, gồm: các hiệp hội gỗ, hội chủ rừng và tổ chức thương mại (7); các tổ chức phi chính phủ trong nước (8); các viện, trung tâm nghiên cứu và tổ chức nghề nghiệp (9); các cơ quan quản lý nhà nước (9); các tổ chức phi chính phủ quốc tế (7); và các đối tác phát triển (6). Danh sách chi tiết các thành viên Nhóm nòng cốt tại Phụ lục 3. Nhóm nòng cốt hoạt động theo cơ chế đồng chủ tịch, chủ tịch là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và một đồng chủ tịch luân phiên được bầu từ các tiêu nhóm ngoài nhà nước trong nước. Năm 2021, đồng chủ tịch luân phiên của Nhóm là Giám đốc Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững.

Kể từ khi thành lập vào năm 2017 cho đến nay, đã có 10 cuộc họp của Nhóm nòng cốt được tổ chức với sự tham gia của nữ giới chiếm 31,5%. Nhóm nòng cốt cũng là một trong những kênh truyền thông chính cung cấp cho các bên liên quan những thông tin cập nhật liên quan đến việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Các thông tin cập nhật được cung cấp thông qua các cuộc họp Nhóm, danh sách các thông tin được phổ biến cho các thành viên của Nhóm trong năm 2021 được chi tiết tại Phụ lục 4.

Cuộc họp lần thứ 10 của Nhóm nòng cốt được tổ chức vào tháng 10 năm 2021 tập trung vào thảo luận về dự thảo Bảng so sánh; rà soát, cập nhật Định nghĩa gỗ hợp pháp; và dự thảo Thông tư về phân loại doanh nghiệp. Các thành viên Nhóm nòng cốt cũng thống nhất về các đề xuất, khuyến nghị trình Phiên họp lần thứ 4 của Ủy ban thực thi chung, bao gồm: (i) đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp chia sẻ thông tin về kế hoạch xây dựng và sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT; (ii) đề nghị EU chia sẻ thông tin về hỗ trợ hiện có cho các hoạt động liên quan đến FLEGT sau khi Chương trình EU FAO FLEGT kết thúc trong năm 2021; (iii) đề nghị dành nhiều nguồn lực hơn cho việc xây dựng các hướng dẫn về gỗ hợp pháp cho các đối tượng mục tiêu cụ thể (ví dụ như nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, thương nhân, cơ sở chế biến gỗ) để các đối tượng này có được đầy đủ; (iv) đề xuất kéo dài nhiệm kỳ của Đồng chủ tịch Nhóm nòng cốt từ một thành hai năm; và (v) đề xuất củng cố hoạt động của Nhóm nòng cốt trong năm 2022, bao gồm đánh giá chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Nhóm nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập Nhóm.^[20]

¹⁹ Thông tin về Nhóm Nòng cốt:

<http://en.coregroup.flegtvp.com/2019/01/04/about-the-multi-stakeholder-implementation-core-group-2/>

²⁰ Biên bản Phiên họp lần thứ tư của Ủy ban thực thi chung vào tháng 12 năm 2021.

<https://flegt.vnforest.gov.vn/bai-viet/bien-ban-tom-tat-phiên-hop-jic-4-20220802014505>

2.4 Các hoạt động hỗ trợ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT

Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT

Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT đã được JIC phê duyệt vào tháng 4 năm 2021.^[21] Sau đó, một số hoạt động truyền thông và công bố thông tin đã được Tổng cục Lâm nghiệp và các thành viên Nhóm nông cốt triển khai thực hiện và hoàn thành trong năm 2021. Các hoạt động do Tổng cục Lâm nghiệp thực hiện bao gồm: phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam sản xuất và phát sóng các chương trình về Hiệp định VPA/FLEGT cho doanh nghiệp, hộ gia đình và công chúng; phát hành Tài liệu hỏi đáp về Hiệp định VPA/FLEGT cho doanh nghiệp và hộ gia đình, và Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định Hệ thống VNTLAS; xây dựng trang thông tin về VPA/FLEGT của Văn phòng thường trực FLEGT và được ra mắt vào tháng 9 năm 2021.^[22]

Một loạt các nghiên cứu, sản phẩm truyền thông, hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực cũng đã được các bên liên quan và dự án khác nhau thực hiện trong năm 2021 (Phụ lục 2). Các hoạt động này bao gồm tập huấn, đào tạo trực tuyến và chuyên sâu cho các nhóm đối tượng cụ thể, ví dụ như các nhà nhập khẩu gỗ, người tiêu dùng trong nước, doanh nghiệp siêu nhỏ tại các làng nghề gỗ, hộ trồng rừng quy mô nhỏ, cơ sở chế biến gỗ cao su, cũng như là giáo viên, học sinh, sinh viên và công chúng.

Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT

Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT đã được JIC phê duyệt vào tháng 4 năm 2021.^[23] Các hợp phần chính của Khung giám sát và đánh giá được tóm tắt tại Hộp 4. Điều khoản tham chiếu cho đánh giá cơ sở việc giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đã được xây dựng trong năm 2021, tuy nhiên công việc này đã bị trì hoãn do thiếu nguồn lực. Kể từ đó, nguồn lực thực hiện công việc này đã được đảm bảo từ một dự án mới hỗ trợ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT do Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế Liên bang Đức (BMZ) tài trợ, và đánh giá cơ sở sẽ được thực hiện trong năm 2022. Các thành viên của Nhóm Nông cốt cũng tái khẳng định sự quan tâm trong việc tiếp tục tham gia vào công tác giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.

²¹ Xem Ghi chú 6 bên trên.

²² <http://flegt.vnforest.gov.vn/>

²³ Xem Ghi chú 5 bên trên.

Hộp 4. Cấu phần của Khung giám sát và đánh giá thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT

1) Báo cáo và giám sát tiến độ thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT
Mục tiêu: Theo dõi tiến độ thực hiện Hiệp định so với Khung thực hiện chung và các kế hoạch và cung cấp thông tin cho công tác quản lý và báo cáo
Khung thời gian và các đầu ra chính: Lộ trình của JIC; Bảng giám sát tiến độ; Biên bản tóm tắt các phiên họp của JIC; Báo cáo thường niên chung của JIC.
Tài liệu nguồn mô tả chi tiết: Phụ lục VIII và IX của Hiệp định VPA/FLEGT
2) Đánh giá độc lập
Mục tiêu: Đánh giá việc thực hiện, tính hiệu quả và độ tin cậy của Hệ thống VNTLAS và cơ chế cấp phép FLEGT và vận hành cơ chế khiếu nại đối với Hiệp định VPA/FLEGT
Khung thời gian và các đầu ra chính: Đánh giá độc lập sẽ bắt đầu sau khi vận hành cơ chế cấp phép FLEGT; Báo cáo định kỳ của Đơn vị đánh giá độc lập; Báo cáo tóm tắt của JIC.
Tài liệu nguồn mô tả chi tiết: Phụ lục VI của Hiệp định VPA/FLEGT
3) Giám sát tác động việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT
Mục tiêu: Giám sát các tác động của Hiệp định VPA/FLEGT về mặt kinh tế, xã hội, môi trường và quản trị theo thời gian và xác định các biện pháp giảm thiểu bất kỳ tác động bất lợi nào
Khung thời gian và các đầu ra chính: Báo cáo giám sát tác động của các bên liên quan; Báo cáo đánh giá giám sát tác động cơ sở và định kỳ và Báo cáo tổng hợp theo chu kỳ 5 năm.
Tài liệu nguồn mô tả chi tiết: Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT

3. BỐI CẢNH THƯƠNG MẠI GỖ

3.1 Tổng quan ngành lâm nghiệp và công nghiệp gỗ của Việt Nam

Nguồn tài nguyên rừng và sản xuất gỗ trong nước

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, diện tích đất lâm nghiệp của Việt Nam là 15,404 triệu ha, chiếm 45,5% tổng diện tích đất của cả nước.^[24] Theo số liệu công bố của Tổng cục Lâm nghiệp, độ che phủ rừng cả nước hiện đạt 42,02%, tương đương 13,923 triệu ha.^[25] Về mục đích sử dụng, rừng được chia thành ba loại chính, bao gồm: đặc dụng, phòng hộ và sản xuất (Bảng 1). Diện tích rừng sản xuất chiếm 53,3% tổng diện tích rừng (khoảng 7,853 triệu ha), trong đó rừng tự nhiên chiếm 51% và rừng trồng chiếm 49%.

Từ năm 2014, Chính phủ ban lệnh cấm khai thác gỗ rừng tự nhiên trong nước và lệnh cấm này được tăng cường hơn nữa vào năm 2017 với việc kiểm soát nghiêm ngặt hơn việc chuyển đổi rừng tự nhiên sang các mục đích sử dụng đất khác.^[26] Do đó, sản xuất gỗ trong nước chủ yếu sử dụng các nguồn gỗ từ rừng trồng, vườn nhà, cây trồng phân tán và gỗ cao su.

Bảng 1. Diện tích các loại rừng năm 2021 (ha)

Rừng phân loại theo nguồn gốc	Rừng phân loại theo mục đích sử dụng			Tổng
	Rừng đặc dụng (*)	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	
Rừng tự nhiên	2.100.785	4.069.390	4.001.582	10.171.757
Rừng trồng	94.940	626.124	3.852.380	4.573.444
Tổng	2.195.725	4.695.514	7.853.962	14.745.201

Nguồn: Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN (ngày 27/07/2022)

(*) Bao gồm các vườn quốc gia và khu bảo tồn.

Đến năm 2021, khoảng 3.1 triệu ha đất lâm nghiệp được giao cho hộ gia đình (chiếm 21% tổng diện tích rừng) và 1,7 triệu ha đất lâm nghiệp được giao cho các tổ chức kinh tế, bao gồm các hợp tác xã, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 11,5% tổng diện tích rừng.^[27] Theo kết quả Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 của Tổng cục Thống kê, số lượng các loại hình đơn vị sản xuất lâm nghiệp đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây (Bảng 2). Trên cả nước, số lượng “các hộ gia đình lâm nghiệp” mà dành phần lớn lao động cho các hoạt động lâm nghiệp đã tăng 40,5%

²⁴ Tổng cục Thống kê (2022), Niên giám thống kê 2021.

<https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2022/08/Sach-Nien-giam-TK-2021-1.pdf>

²⁵ Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN (ngày 27/07/2022) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2021.

http://www.kieclam.org.vn/Desktop.aspx/List/So-lieu-dien-bien-rung-hang-nam/NAM_2021/

²⁶ Nghị quyết số 71/2017/NQ-CP (ngày 08/08/2017) ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số No 13/2017/CT-TW (ngày 12/01/2017) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

²⁷ Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN (ngày 27/07/2022).

trong giai đoạn từ 2015 đến 2020. Trong khi đó, số lượng doanh nghiệp tham gia sản xuất lâm nghiệp và các dịch vụ liên quan đã tăng gấp gần 3 lần từ 443 doanh nghiệp năm 2010 lên 1.112 doanh nghiệp năm 2020.^[28]

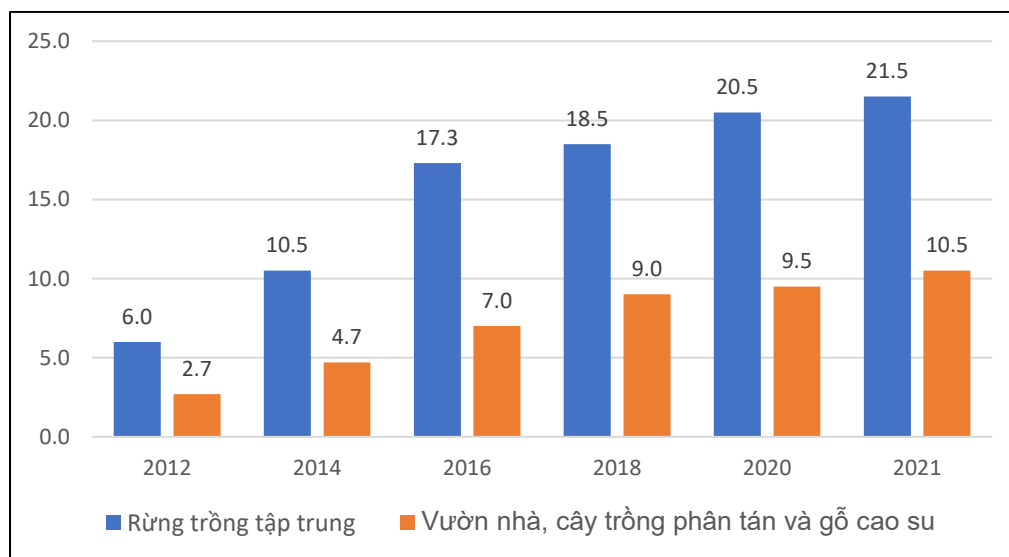
2015 và 2020)

Đơn vị sản xuất lâm nghiệp	2010	2015	2020	% thay đổi giai đoạn 2015-2020
Doanh nghiệp	434	645	1.112	72,4
Hợp tác xã	33	44	86	95,5
Hộ gia đình lâm nghiệp	56.692	115.403	162.130	40,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022), Kết quả Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020.

Vào tháng 10 năm 2021, Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) đã được Đại hội đồng của Chương trình xác nhận chứng chỉ rừng (PEFC) thông qua với việc PEFC công nhận các chứng chỉ rừng được cấp theo VFCS. Đến cuối năm 2021, tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 314.205 ha, bao gồm 258.526 ha được cấp theo FSC và 55.679 ha được cấp theo VFCS/PEFC.^[29]

Biểu đồ 1. Sản xuất gỗ trong nước từ rừng trồng tập trung, vườn nhà, cây trồng phân tán và gỗ cao su giai đoạn 2012-2021 (triệu m³)



Nguồn: Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp.

Sản lượng khai thác gỗ trồng trong nước, từ rừng trồng tập trung và các nguồn khác, tăng đều trong thập kỷ qua, từ khoảng 8,7 triệu m³ trong năm 2012 lên 23,3 triệu m³ trong năm 2016 và 32 triệu m³ trong năm 2021 (Biểu đồ 1). Các nguồn gỗ trong nước hiện chiếm khoảng 77,4% nguồn cung gỗ cho ngành chế biến, và gỗ nhập khẩu chiếm 22,6% nguồn cung gỗ.^[30] Trong khi phần lớn sản lượng gỗ rừng trồng trong nước được dùng để sản xuất

²⁸ Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022), Kết quả Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020.

<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/03/ket-qua-dieu-tra-nong-thon-nong-nghiep-giua-ky-2020/>

²⁹ Tổng cục Lâm nghiệp, Báo cáo số 1950/2020/BC-TCLN-VP (ngày 27/12/2021), Báo cáo chỉ đạo điều hành năm 2021 và định hướng năm 2022.

³⁰ Nguồn: Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp.

dăm gỗ hoặc sản xuất sản phẩm cho thị trường trong nước thì nguồn gỗ này cũng ngày càng đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất đồ nội thất cho các thị trường xuất khẩu. Mặc dù vậy, ngành công nghiệp sản xuất đồ nội thất vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu chất lượng cao, bao gồm cả gỗ cứng và gỗ mềm không có ở Việt Nam.

Ngành công nghiệp chế biến gỗ

Theo số liệu do Tổng cục Lâm nghiệp cung cấp, cả nước hiện có 6.039 doanh nghiệp chế biến và kinh doanh gỗ và lâm sản.^[31] Trong đó, doanh nghiệp sản xuất đồ nội thất chiếm 78,8%; doanh nghiệp tham gia chế biến lâm sản ngoài gỗ chiếm 7,1%; và doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm gỗ khác, như là gỗ bóc, ván ép, ván ghép, pallet gỗ, v.v., chiếm 10,5%. Phần lớn các doanh nghiệp này là doanh nghiệp tư nhân trong nước, chiếm 87,1%, trong khi đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 12,7%, và doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 0,2%.^[32]

Theo số liệu thống kê mới nhất do Tổng cục Thống kê công bố, năm 2020, cả nước có 12.277 doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến lâm sản và sản xuất đồ gỗ (Bảng 3). Trong đó, có 6.803 doanh nghiệp chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ (ví dụ như ván ép, ván lạng, ván, pallet gỗ, thùng chứa và vật liệu xây dựng) và tre, nứa, không bao gồm đồ gỗ (Mã ngành 16 trong Hệ thống phân loại ngành kinh tế Việt Nam). Số doanh nghiệp trong lĩnh vực này đã tăng 57% trong giai đoạn 2015 – 2020. Trong khi đó, năm 2020 có khoảng 5.474 doanh nghiệp sản xuất đồ nội thất (Mã ngành 31), tăng 48,9% trong giai đoạn 2015 - 2020.

Bảng 3. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực chế biến lâm sản và sản xuất đồ gỗ giai đoạn 2015 - 2020

Ngành kinh tế	Năm				
	2015	2017	2018	2019	2020
Mã ngành 16: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ và tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	4.332	5.180	6.200	7.320	6.803
Mã ngành 31: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3.677	4.514	4.814	5.338	5.474
Tổng	8.009	9.694	11.014	12.658	12.277

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022), Niên giám thống kê 2021.

<https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2022/08/Sach-Nien-giam-TK-2021-1.pdf>

Về quy mô, phần lớn các doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ hoặc siêu nhỏ (Bảng 4). Khoảng 67% doanh nghiệp chế biến lâm sản (Mã ngành 16) và 62% doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ (Mã ngành 31) có ít hơn 10 lao động, đây là một trong những các tiêu chí xác định

³¹ Nguồn: Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp.

³² Nguồn: Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp.

doanh nghiệp siêu nhỏ. Trong khi đó, chỉ có 1,6% doanh nghiệp chế biến lâm sản và 8,1% doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ thuộc nhóm doanh nghiệp quy mô lớn với trên 200 lao động.

Phần lớn các doanh nghiệp này nằm ở ba khu vực tập trung ngành công nghiệp gỗ của cả nước là Đông Nam bộ, chiếm 42,9%, Đồng bằng sông Hồng, chiếm 26,4% và Duyên hải miền trung, chiếm 16,4%, và 14,3% còn lại phân bố trên các khu vực khác.^[33]

Bảng 4. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực chế biến lâm sản và sản xuất đồ gỗ năm 2020 theo quy mô số lượng lao động

Ngành kinh tế	Tổng số doanh nghiệp	Số lượng lao động				
		< 5	5 – 9	10 – 49	50 – 199	> 200
Mã ngành 16: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ và tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	6.803	3.157	1.392	1.635	511	108
	100%	46,4%	20,5%	24,0%	7,5%	1,6%
Mã ngành 31: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	5.474	2.374	1.000	1.084	574	442
	100%	43,4%	18,3%	19,8%	10,5%	8,1%

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022), Niên giám thống kê 2021.

Bảng 5. Số lượng lao động tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến lâm sản và sản xuất đồ gỗ giai đoạn 2015 - 2020

Ngành kinh tế	Năm				
	2015	2017	2018	2019	2020
Mã ngành 16: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ và tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	126.375	129.451	136.600	146.716	145.874
Mã ngành 31: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	339.695	363.458	359.750	384.254	448.885

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022), Niên giám thống kê 2021.

Số lượng lao động làm việc trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp, chế biến gỗ và sản xuất đồ gỗ đã tăng trong những năm gần đây. Theo kết quả Điều tra lao động, năm 2020 có khoảng 626.000 lao động trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp và các dịch vụ có liên quan (trong đó lao động nữ chiếm 34,9%) và khoảng 428.000 lao động trong lĩnh vực chế biến

³³ Nguồn: Khảo sát về các tổ chức kinh tế tham gia chuỗi cung ứng gỗ của Việt Nam, được chuẩn bị phục vụ Phiên họp lần thứ 4 của Tổ kỹ thuật chung/Ủy ban thực thi chung về VPA/FLEGT (tháng 11 năm 2021).

lâm sản (trong đó lao động nữ chiếm 50,2%).^[34] Đây là tổng số lượng lao động, bao gồm lao động trong các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và hộ kinh doanh, và lao động làm công ăn lương, lao động tự do và lao động hộ gia đình. Đối với số lượng lao động tại các doanh nghiệp, theo Bảng 5, năm 2020 có khoảng 146.000 lao động (lao động nữ chiếm 41,9%) tại các doanh nghiệp chế biến lâm sản và khoảng 449.000 lao động (lao động nữ chiếm 42,8%) tại các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ.

3.2 Viet Nam's timber imports

Theo số liệu thống kê thương mại của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2021 là 2,930 tỷ USD, tăng 14,5% so với kim ngạch nhập khẩu của năm 2020 (trên 2,558 tỷ USD) và tăng 26,6% so với kim ngạch nhập khẩu của năm 2018 (Bảng 6).^[35] Kim ngạch nhập khẩu gỗ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 29% trong năm 2018 lên 40,8% trong năm 2020.^[36]

Bảng 6. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài các năm 2018, 2020 và 2021

Nội dung		2021		2020		2018	
		Giá trị (tỷ USD)	%	Giá trị (tỷ USD)	%	Giá trị (tỷ USD)	%
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	2,930		2,558		2,315	
	Doanh nghiệp trong nước	1,735	59,2	1,513	59	1,649	71
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,195	40,8	1,045	41	0,665	29
2	Tổng kim ngạch xuất khẩu	14,808		12,371		8,907	
	Doanh nghiệp trong nước	7,345	49,6	6,266	51	4,975	56
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7,463	50,4	6,105	49	3,932	44

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo báo cáo của các hiệp hội gỗ, trên cơ sở số liệu thống kê thương mại của Tổng cục Hải quan, trong tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ chiếm 37,7% (tăng 33% so với năm 2020); kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn chiếm 17,9% (giảm 22% so với năm 2020); trong khi đó kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu sản xuất đã qua chế

³⁴ Tổng cục Thống kê, Điều tra lao động 2020.

³⁵ Tổng cục Hải quan, Thống kê nhập khẩu theo mặt hàng năm 2021, công bố ngày 22/04/2022

[https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-2N\(VN-CT\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-2N(VN-CT).pdf)

³⁶ Tổng cục Hải quan, Thống kê nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 2021, công bố ngày 22/04/2022

[https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-3N\(VN-CT\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-3N(VN-CT).pdf)

biến (ván ép, ván lạng, ván, v.v.) chiếm khoảng 28% và kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ chiếm 17%.^[37]

Bảng 7 cho thấy kim ngạch nhập khẩu từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ chính từ năm 2018 đến năm 2021. Các con số này phản ánh một vài xu hướng đáng chú ý của nhập khẩu gỗ vào Việt Nam.

Bảng 7. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Việt Nam từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ chính từ năm 2017 đến 2020 (triệu USD)

Quốc gia/Vùng lãnh thổ		2021	% thay đổi so với 2020	2020	% thay đổi so với 2019	2019	% thay đổi so với 2018	2018
1	Trung Quốc	1.017,2	20,2	846,1	27,9	661,3	43,0	462,3
2	Châu Phi (khu vực)	349,8	- 6	373,6	-24,4	493,9	-4,2	515,6
3	Hoa Kỳ	325,8	1,4	321,3	-6,1	342,2	10,2	310,6
4	EU (khu vực)	269,4	17	230,1	-14,7	269,7	8,0	249,6
5	Thái Lan	129,6	7,6	120,4	9,5	110,0	34,3	82,4
6	Chile	92,0	37,9	66,8	-17,2	80,7	-1,1	81,6
7	Malaysia	64,4	22,7	52,5	-26,2	71,1	-37,7	114,2
8	New Zealand	68,4	4,0	65,8	-5,6	69,7	7,3	65,0
9	Lào	105,5	86,4	56,6	8,6	52,1	60,1	32,6
10	Campuchia	10,8	33,2	8,1	-75,2	32,6	-67,6	100,6
11	Khác	481,0	16	413,4	12,9	366,2	11,62	328,1
TỔNG		2.913,9	14,1	2.554,7	0,2	2.549,4	8,83	2.342,6

Nguồn: VIFOREST, HAWA, FPA Bình Định, BIFA, DOWA, Forest Trends (2022)

Kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đã vượt 1 tỷ USD trong năm 2021, chiếm khoảng 1/3 so với tổng kim ngạch nhập khẩu. Các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là nguyên liệu sản xuất đã qua chế biến và các mặt hàng nội thất, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng này tăng 20,2% so với năm 2020 và 120% so với năm 2018. Kim ngạch nhập khẩu từ khu vực Châu Phi, chủ yếu là nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ từ các loài gỗ nhiệt đới, giảm nhẹ 6% từ 373,6 triệu USD năm 2020 xuống 349,8 triệu USD năm 2021. Trong khu vực sông Mekong, kim ngạch nhập khẩu từ Campuchia giảm đáng kể trong giai đoạn 2017-2020 nhưng tăng 33,2% trong năm 2021, đạt 10,8 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu từ Lào tiếp tục tăng trong năm 2021 đạt 105,5 triệu USD, theo xu hướng trong nhiều năm.

³⁷ Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFOREST), HAWA, FPA Bình Định, BIFA, DOWA, Forest Trends (2022), Báo cáo Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm năm 2021. <https://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao-viet-nam-xuat-nhap-khau-go-va-san-pham-nam-2021-9632>

Trong giai đoạn 2019-2020, kim ngạch nhập khẩu từ một số quốc gia và vùng lãnh thổ là các nhà cung ứng chính các loài gỗ ôn đới, gỗ xẻ và gỗ có chứng chỉ cho Việt Nam, bao gồm Hoa Kỳ, EU, New Zealand và Canada, có sự sụt giảm chung. Kim ngạch nhập khẩu từ một số thị trường cung ứng này đã tăng trở lại trong năm 2021, bao gồm nhập khẩu từ EU tăng 17%, đạt 269,4 triệu USD, và nhập khẩu từ Chile tăng 37,9%.

3.3 Xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU và một số thị trường khác

Theo thống kê thương mại từ Tổng cục Hải quan (Bảng 6), kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 14,808 tỷ USD trong năm 2021, tăng 19,69% so với kim ngạch xuất khẩu năm 2020 (12,371 tỷ USD), và tăng 66,25% kể từ năm 2018.^[38] Tỷ trọng xuất khẩu gỗ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 44% năm 2018 lên 50,4% năm 2020.^[39]

Bảng 8. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của 12 thị trường chính giai đoạn 2018 - 2021 (triệu USD)

Thị trường		2021	% thay đổi so với 2020	2020	% thay đổi so với 2019	2019	% thay đổi so với 2018	2018
1	Hoa Kỳ	8.772,4	22,4	7.166,2	33,8	5.356,1	37,5	3.896,7
2	Nhật Bản	1.436,6	11,0	1.294,2	-0,8	1.304,1	13,6	1.148,2
3	Trung Quốc	1.496,5	24,7	1.199,6	3,2	1.162,2	8,3	1.072,9
4	Hàn Quốc	888,1	8,6	818,2	3,2	792,8	-15,4	937,2
5	Vương quốc Anh	266,9	16,4	229,3	-26,5	312,1	7,9	289,2
6	Canada	234,1	6,5	219,8	14,1	192,6	15,9	166,2
7	Úc	169,2	-1,6	172,0	13,5	151,6	-21,5	193,1
8	Đức	131,9	11,6	118,2	0,4	117,7	9,3	107,7
9	Pháp	115,2	7,7	107,0	-18,7	131,6	1,2	130,1
10	Malaysia	128,2	69,1	75,8	7,7	70,4	-31,1	102,2
11	Hà Lan	93,2	28,0	72,9	-8,1	79,3	2,0	77,8
12	Đài Loan	75,6	6,0	71,4	-4,3	74,7	16,3	64,2
Tổng 12 thị trường		13.808,0	19,6	11.544,7	18,5	9.745,2	19,1	8.185,4
Các thị trường khác		1.001,0	21,0	827,2	-8,8	906,4	25,3	723,6
TỔNG		14.808,8	19,7	12.371,9	16,2	10.651,6	19,6	8.909,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Xuất khẩu theo quốc gia và vùng lãnh thổ, công bố ngày 22/04/2022.
[https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-5X\(VN-CT\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-5X(VN-CT).pdf)

³⁸ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu theo loại hàng hóa năm 2021, công bố ngày 22/04/2022
[https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/5/20/2021-T12T-2X\(VN-CT\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/5/20/2021-T12T-2X(VN-CT).pdf)

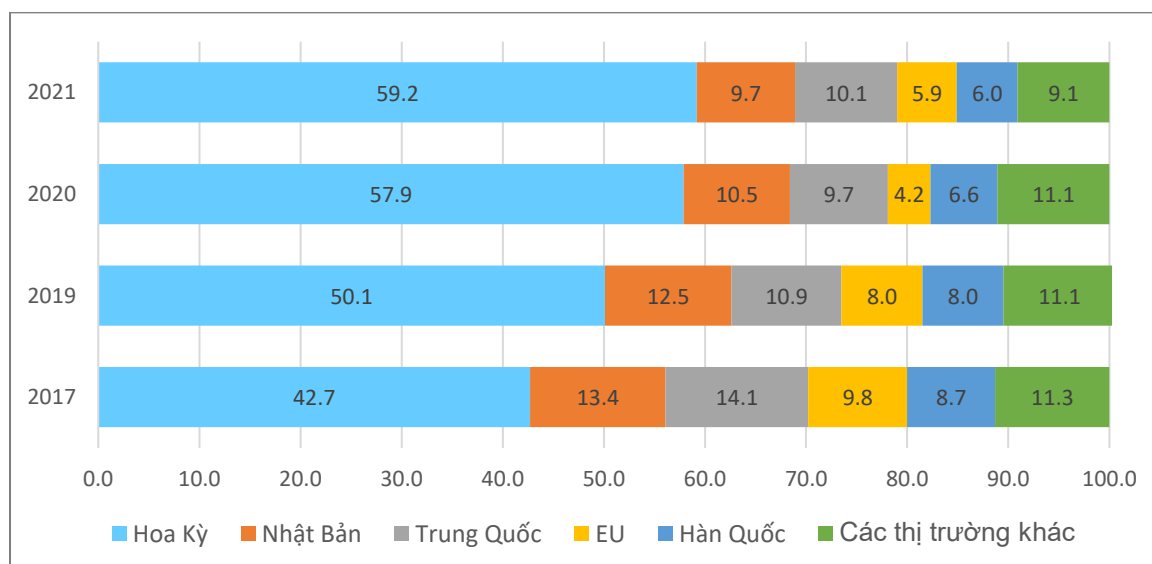
³⁹ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI năm 2021, công bố ngày 22/04/2022
[https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-3X\(VN-CT\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2022/4/29/2021-T12T-3X(VN-CT).pdf)

Xuất khẩu sang EU phục hồi tốt trong năm 2021 sau khi suy giảm trong hai năm trước đó chủ yếu do ảnh hưởng của đại dịch COVID. Theo số liệu do Tổng cục Lâm nghiệp cung cấp, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU đạt 868,1 triệu USD trong năm 2021, tăng 66,9% so với 520,1 triệu USD trong năm 2020 và 536 triệu USD trong năm 2019.^[40]

Kim ngạch xuất khẩu sang 12 thị trường chính, trong đó có 3 thị trường thuộc EU là Pháp, Đức và Hà Lan, được chi tiết trong Bảng 8. Mười hai thị trường này cộng lại chiếm 93,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường chính tăng trong năm 2021, bao gồm Hoa Kỳ (tăng 22,4%), Nhật Bản (tăng 11%), Trung Quốc (tăng 24,7%), Đức (tăng 11,6%) và Hà Lan (tăng 28%), so với những thị trường khác, cho thấy sự phục hồi sau những hạn chế thương mại trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch toàn cầu.

Về thị phần xuất khẩu, theo Biểu đồ 2, Hoa Kỳ hiện chiếm gần 60% thị phần, tăng 16% so với năm 2017. Sự gia tăng xuất khẩu sang các nước EU trong năm qua cũng được phản ánh trong thị phần tổng thể của EU, tăng từ 4,2% năm 2020 lên 5,9% năm 2021.

Biểu đồ 2. Tỷ trọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang 5 thị trường chính giai đoạn 2017-2020 (%)



Nguồn: Số liệu do Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp cung cấp. Số liệu xuất khẩu sang EU năm 2017 và 2019 bao gồm Vương quốc Anh; số liệu xuất khẩu năm 2020 sang 27 nước thành viên EU không bao gồm Vương quốc Anh.

Về mặt hàng xuất khẩu, theo báo cáo của các hiệp hội gỗ, xuất khẩu các sản phẩm nội thất đạt 6,23 tỷ USD trong năm 2021, chiếm 44% tổng kim ngạch xuất khẩu.^[41] Sau đó là các sản phẩm ghé ngò, chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu, dăm gỗ (chiếm 12%), và các sản phẩm gỗ khác (chiếm 19%).

⁴⁰ Nguồn: Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp.

⁴¹ Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), HAWA, FPA Bình Định, BIFA, DOWA, Forest Trends (2022), Báo cáo Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm năm 2021. <https://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao-viet-nam-xuat-nhap-khau-go-va-san-pham-nam-2021-9632>

Tính đến năm 2020, cả nước có trên 3.623 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ, trong đó có 2.970 doanh nghiệp trong nước (chiếm 82%) và 653 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 18%). Đồng thời, trong năm 2020 có 16.070 lô hàng xuất khẩu, trong đó lô hàng đồ gỗ xuất khẩu chiếm 66,5%.^[42]

3.4 Số liệu thống kê EU nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam

Bảng 9 và Bảng 10 cung cấp số liệu thống kê về giá trị và khối lượng gỗ và sản phẩm gỗ EU nhập khẩu từ Việt Nam theo danh mục hàng hóa được quy định tại Hiệp định VPA/FLEGT. Đây là những số liệu COMEXT sơ bộ được Giám sát thị trường độc lập về FLEGT tổng hợp.^[43]

Sau sự sụt giảm giá trị nhập khẩu giai đoạn 2019-2020, nguyên nhân chủ yếu là do đại dịch toàn cầu, thì giá trị nhập khẩu đã tăng 10,4% từ khoảng 281,5 triệu EURO năm 2020 lên 310,8 triệu EURO năm 2021.

Bảng 9. Nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam của EU theo danh mục hàng hóa quy định trong Hiệp định VPA/FLEGT theo giá trị và khối lượng năm 2020 và 2021

Mã HS và mô tả hàng hóa			2021		2020	
			Khối lượng (tấn)	Giá trị (1.000 EUR)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (1.000 EUR)
1	4401	Gỗ nhiên liệu, dăm gỗ, gỗ phế liệu	0	0	525	200
2	4403	Gỗ cây	185	188	76	124
3	4407	Gỗ đã cưa xẻ	2.384	3.666	2.346	2.880
4	4408	Ván lạng	26	123	37	110
5	4409	Gỗ được tạo dáng	482	1.121	963	1.803
6	4410	Ván dăm	23	33	0	0
7	4411	Ván sợi	54	106	97	154
8	4412	Gỗ dán	8.528	7.577	8.757	5.328
9	441300	Gỗ được làm tăng độ rắn	0,19	1	181	384
10	441400	Khung tranh, ảnh, gương	35	308	20	138
11	4415	Hòm, hộp, thùng, giá kệ để hàng	246	400	127	200
12	4416	Thùng tôn nô, hình tròn, trống trụ	207	507	148	277
13	4418	Đồ mộc dùng trong xây dựng	15.140	23.150	14.401	18.061

⁴² Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh, Hội Chế biến gỗ Bình Dương, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định, Forest Trends (2021), Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành gỗ Việt Nam: Thực trạng 2020 và xu hướng phát triển.

⁴³ Giám sát thị trường độc lập EU FLEGT (IMM) <https://flegtimm.eu/>

14	940330	Đồ nội thất dùng trong văn phòng	1.303	4.315	1.277	3.675
15	940340	Đồ nội thất dùng trong nhà bếp	234	832	159	462
16	940350	Đồ nội thất dùng trong phòng ngủ	10.327	41.818	11.659	42.139
17	940360	Đồ nội thất bằng gỗ khác	67.756	226.635	69.178	205.568

Nguồn: Số liệu COMEXT do Giám sát thị trường độc lập (IMM) tổng hợp.

Bảng 9 cho thấy giá trị và khối lượng nhập khẩu 17 loại hàng hóa theo mã HS44 và HS94 mà trong tương lai sẽ đưa vào hệ thống cấp phép FLEGT. Phần lớn các mặt hàng nhập khẩu tiếp tục là các sản phẩm nội thất thuộc mã HS94, chiếm 89,5% kim ngạch nhập khẩu năm 2020 và 88% kim ngạch nhập khẩu năm 2021, tăng 8,6% từ 251,8 triệu EURO năm 2020 lên 273,6 triệu EURO năm 2021. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng thuộc mã HS44 tăng từ 29,6 triệu EURO năm 2020 lên 37,2 triệu EURO năm 2021.

Bảng 10 cho thấy kim ngạch nhập khẩu vào các nước thành viên EU trong năm 2020 và 2021. Năm thị trường nhập khẩu hàng đầu trong năm 2021 (bao gồm Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ và Ireland) chiếm 76% tổng kim ngạch nhập khẩu trong khi 10 thị trường nhập khẩu hàng đầu chiếm khoảng 94,4% tổng kim ngạch nhập khẩu. Hàng năm có sự thay đổi ngắn hạn giữa các thị trường với sự gia tăng đáng kể kim ngạch nhập khẩu trong năm 2021 đối với một số quốc gia như Pháp, Bỉ, Ireland, Romania và Cộng hòa Séc so với các thị trường khác.

Nhìn chung, những con số thống kê này chỉ ra rằng thị trường EU cho các sản phẩm gỗ của Việt Nam đã và đang phục hồi trong năm 2021 sau những hạn chế thương mại trong năm 2021.

Bảng 10. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam của các nước thành viên EU theo danh mục hàng hóa quy định trong Hiệp định VPA/FLEGT trong năm 2020 và 2021

Các nước thành viên EU		Giá trị nhập khẩu (1.000 EURO)			Các nước thành viên EU		Giá trị nhập khẩu (1.000 EURO)		
		2021	2020	% thay đổi			2021	2020	% thay đổi
1	Pháp	80.219	72.490	10,6	15	Bồ Đào Nha	1.128	921	22,5
2	Đức	64.051	62.528	2,4	16	Estonia	751	661	13,6
3	Hà Lan	34.639	36.235	-4,4	17	Phần Lan	648	302	114,5
4	Bỉ	29.820	22.027	35,4	18	Hungary	599	513	16,7
5	Ireland	25.818	16.811	53,6	19	Croatia	529	395	33,9
6	Tây Ban Nha	19.768	18.299	8,0	20	Slovenia	492	369	33,3
7	Ý	9.901	10.043	-1,4	21	Bulgaria	439	481	-8,7
8	Thụy Điển	9.381	13.103	-28,4	22	Lithuania	406	517	-21,5

9	Ba Lan	9.014	9.785	-7,9	23	Latvia	318	239	33,0
10	Đan Mạch	8.363	6.905	21,1	24	Cyprus	243	310	-21,6
11	Romania	4.458	2.397	85,9	25	Slovakia	137	29	372,4
12	Cộng hòa Séc	2.871	1.635	75,6	26	Malta	39	50	-22
13	Áo	2.345	2.968	-20,9	27	Luxembourg	7	7	0
14	Hy Lạp	1.863	1.676	11,1	Tổng		310.780	281.696	10,3

Nguồn: Số liệu COMEXT do Giám sát thị trường độc lập (IMM) tổng hợp

Phụ lục 1. Các Quyết định và công bố chính thức liên quan đến việc thực hiện VNTLAS

Nguồn: Cục Kiểm lâm <http://www.kieclam.org.vn/>

Tháng 11 năm 2020	Quyết định số 4832/QĐ-BNN-TCLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh sách các loài gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam và danh sách các vùng địa lý tích cực.
Tháng 11 năm 2020	Văn bản số 1589/TCLN-KL (ngày 02/11/2020) của Tổng cục Lâm nghiệp về việc sử dụng mẫu Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.
Tháng 11 năm 2020	Văn bản số 8259/BNN-TCLN (ngày 27/11/2020) của Tổng cục Lâm nghiệp về việc triển khai thực hiện hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.
Tháng 01 năm 2021	Văn bản số 09/TCLN-KL (ngày 05/01/2021) của Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP (liên quan đến danh sách vùng địa lý tích cực và danh sách các quốc gia có hệ thống chứng chỉ tự nguyện được Việt Nam công nhận).
Tháng 01 năm 2021	Văn bản số 111/TCLN-KL (ngày 28/01/2021) của Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.
Tháng 5 năm 2021	Văn bản số 655/TCLN (ngày 24/05/2021) của Tổng cục Lâm nghiệp về việc xác định vùng địa lý theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP
Tháng 6 năm 2021	Văn bản số 850/TCLN-KL (ngày 28/06/2021) của Tổng cục lâm nghiệp công bố danh sách vùng địa lý tích cực.
Tháng 6 năm 2021	Quyết định số 2095/QĐ-BNN-TCLN (ngày 30/06/2021) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh sách các loài gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam
Tháng 12 năm 2021	Quyết định số 5246/QĐ-BNN-TCLN (ngày 31/12/2021) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh sách các loài gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam

Phụ lục 2. Một số hoạt động nâng cao nhận thức, truyền thông và nâng cao năng lực được thực hiện trong năm 2021

❖ Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)

Khảo sát về kiến thức, thái độ và thực tiễn sử dụng gỗ hợp pháp của người tiêu dùng trong nước; hướng dẫn người tiêu dùng mua sắm và tiêu dùng gỗ hợp pháp; đào tạo, tập huấn và hội thảo cho giảng viên, sinh viên và các nhà lãnh đạo trẻ của các trường xây dựng và kiến trúc về sử dụng gỗ hợp pháp trong thiết kế kiến trúc và nội thất (có 1.095 người tham dự, nữ giới chiếm 41%); phát hành các tài liệu thông tin cho công chúng về quản trị rừng, gỗ hợp pháp và bền vững.

<http://en.flegt.vpa.com/report-survey-of-consumers-about-using-of-timber-and-timber-products>

<http://en.flegt.vpa.com/using-legal-timber-in-design>

<https://youtu.be/J0BW2ebLxUE>

<https://youtu.be/VyXi4qhPHYo>

(Dự án do Chương trình FAO-EU FLEGT tài trợ, năm 2020-2021)

❖ Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST)

Đào tạo, tập huấn và cung cấp thông tin theo hình thức trực tuyến và trực tiếp cho các hộ gia đình và doanh nghiệp siêu nhỏ tại các làng nghề về Hiệp định VPA/FLEGT, gỗ hợp pháp, đăng ký doanh nghiệp và chuyển đổi sang loại hình chính thức, quản lý chuỗi cung ứng, các quy định về phòng cháy chữa cháy và lao động, tiếp thị số, v.v. (3 làng nghề / 85 người tham dự).

https://www.youtube.com/channel/UCVjP_NsVd7qGc_2aYJ9j-3w/videos

(Dự án do Chương trình FAO-EU FLEGT tài trợ, năm 2020-2021)

❖ Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA)

Đánh giá việc tuân thủ VNTLAS trong các chuỗi cung ứng gỗ cao su được lựa chọn; đánh giá nhu cầu đào tạo; xây dựng tài liệu tập huấn và tổ chức tập huấn cho các nhà cung ứng gỗ cao su tiểu điền về việc tuân thủ VNTLAS; hồ sơ gỗ hợp pháp được tiêu chuẩn hóa cho ngành gỗ cao su.

<https://www.vra.com.vn/hoat-dong/vras-activities/completing-the-project-leveraging-vntlas-compliance-within-the-viet-nam-rubber-industry.13289.html>

https://drive.google.com/file/d/1y-apFZ-5kyoAojUNHlfGlcRGiKl0Y_cz/view

https://drive.google.com/file/d/1wBIXsdVJfwFkxzifjPeU_Owscra6S1gG/view

<https://drive.google.com/file/d/10eRhHTSgc01iPEieSegY7t4ENRy-w9eJ/view>

(Dự án do Chương trình FAO-EU FLEGT tài trợ, năm 2020-2021)

❖ **Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung Việt Nam (CRD) phối hợp với một số tổ chức trong mạng lưới VNGO-FLEGT và GIZ**

Phối hợp xây dựng Bản tin chính sách về lỗ hổng và nguy cơ tiềm ẩn trong thực hiện các quy định về hợp đồng lao động, bảo hiểm cho người lao động và an toàn lao động ở các doanh nghiệp gỗ nhỏ và siêu nhỏ trong bối cảnh thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT.

[Bản tin chính sách](#)

(Dự án GIZ hỗ trợ)

❖ **Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS)**

Thử nghiệm hiện trường và tập huấn cho các hộ gia đình trồng rừng về hệ thống truy xuất nguồn gốc gỗ iTwood.

<http://www.itwood.vn/>

(Dự án do Chương trình FAO-EU FLEGT tài trợ, năm 2020-2021)

❖ **Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững (SRD)**

Các nghiên cứu trong bối cảnh thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và EVFTA về nhu cầu gỗ rừng trồng phục vụ chế biến xuất khẩu; sử dụng tài nguyên rừng của đồng bào dân tộc thiểu số; các vấn đề về môi trường và xã hội trong ngành công nghiệp gỗ; áp dụng các quy định về quyền lao động trong ngành công nghiệp gỗ; và phát hành các bản tin.

<http://www.srd.org.vn/images/BanTin/Bn%20tin%2002-compressed.pdf>

<http://www.srd.org.vn/images/BanTin/Bn%20tin%2003-compressed.pdf>

(Dự án “Tăng cường quản trị rừng và thương mại gỗ hợp pháp thông qua Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)” do EU tài trợ)

❖ **Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Hiệp hội Chế biến gỗ Bình Dương (BIFA) và Forest Trends**

Báo cáo phân tích thống kê thương mại gỗ và sản phẩm gỗ; nguồn cung cấp gỗ keo nguyên liệu trong nước; tác động của dịch Covid-19 đối với các làng nghề gỗ; thương mại gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc; nhập khẩu gỗ nhiệt đới và tác động đối với việc thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP về VN-TLAS; đầu tư nước ngoài trong ngành công nghiệp gỗ của Việt Nam.

<https://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao>

❖ **Dự án do GIZ thực hiện phối hợp với Preferred by Nature**

Tài liệu hướng dẫn và khóa học trực tuyến cho các doanh nghiệp, hiệp hội, cơ quan xác minh và các bên liên quan khác về trách nhiệm giải trình đối với gỗ nhập khẩu vào Việt Nam.

<https://traininghub.preferredbynature.org/courses/trach-nhiem-giai-trinh-trong-nhap-khau-go-tai-vietnam>

❖ **TRAFFIC**

Xây dựng tài liệu đào tạo và tổ chức các lớp tập huấn trực tuyến cho cán bộ kiểm lâm và hải quan về kiểm soát chuỗi cung ứng gỗ, xác minh gỗ, giám sát và kiểm soát nhập khẩu gỗ bất hợp pháp, đặc biệt từ Châu Phi (198 học viên, nữ giới chiếm 38%).

(Dự án do Chương trình FAO-EU FLEGT tài trợ, năm 2020-2021)

❖ **Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI) và VIFOREST**

Nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp siêu nhỏ trong các làng nghề gỗ về cải thiện quản lý sản xuất, xây dựng thị trường và sử dụng nguồn cung gỗ hợp pháp.

(Dự án MSME do Sida tài trợ, năm 2020-2021)

Phụ lục 3. Danh sách các thành viên Nhóm nông cốt đa bên về VPA/FLEGT

Các hiệp hội gỗ, hội chủ rừng và tổ chức thương mại (7)

- Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST)
- Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh (HAWA)
- Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Binh Dinh)
- Hiệp hội Chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA)
- Hội Chủ rừng Việt Nam (VIFORA)
- Hiệp hội quản lý doanh nghiệp Việt Nam, khu vực miền trung
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Đà Nẵng

Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (8)

- Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững (SRD)
- Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)
- Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (SFMI)
- Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
- Trung tâm Con người và Môi trường vùng Tây Nguyên (COPE)
- Trung tâm Phát triển nông thôn miền trung, Đại học Nông lâm Huế (CRD)
- Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn quản lý tài nguyên (CORENARM)
- Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông lâm nghiệp miền núi, Đại học Thái Nguyên (ADC)

Các tổ chức nghiên cứu, giáo dục và nghề nghiệp (9)

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA)
- Hội Khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Việt Nam (VFA)
- Hiệp hội Vườn quốc gia và Khu bảo tồn Việt Nam (VNPPA)
- Trung tâm nghiên cứu kinh tế lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS)
- Viện Nghiên cứu lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS)
- Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS)
- Câu lạc bộ Lâm nghiệp Việt Nam (VFC)
- Câu lạc bộ Lâm nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế
- Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Nai

Các cơ quan quản lý nhà nước (9)

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Lâm nghiệp
- Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan quản lý CITES, Tổng cục Lâm nghiệp
- Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp
- Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao
- Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp
- Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương
- Vụ Thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương
- Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế (7)

- Quỹ động vật hoang dã thế giới tại Việt Nam (WWF)
- Forest Trends
- Trung tâm khu vực về công người và rừng (RECOFTC)
- Tổ chức điều tra môi trường (EIA)
- Tổ chức TRAFFIC tại Việt Nam
- Tổ chức Tropenbos Việt Nam
- Trung tâm Khuyến lâm Đan Mạch tại Việt Nam

Các đối tác phát triển quốc tế (6)

- Phái đoàn EU tại Việt Nam
- Đại sứ quán Phần Lan
- Tổ chức hợp tác phát triển Đức GIZ
- Tổ chức hợp tác phát triển Pháp (AFD)
- Chương trình FAO EU FLEGT
- Chương trình EU FLEGT Châu Á, Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI)

Phụ lục 4. Các thông tin được phổ biến trực tuyến cho các thành viên Nhóm nòng cốt trong năm 2020

Tháng 4	Báo cáo khảo sát về kiến thức, thái độ và thực tiễn sử dụng gỗ và sản phẩm gỗ của người tiêu dùng trong nước (do Trung tâm Giáo dục và Phát triển thực hiện)
Tháng 4	Báo cáo phân tích về giới và FLEGT tại Việt Nam (do Viện Lâm nghiệp Châu Âu thực hiện)
Tháng 4	Biên bản tóm tắt Phiên họp lần thứ ba của Ủy ban thực thi chung được tổ chức vào tháng 11 năm 2020
Tháng 4	Quyết định số 2/2021 của JIC phê duyệt Khung giám sát và đánh giá việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT
Tháng 4	Quyết định số 3/2021 của JIC phê duyệt Kế hoạch truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT
Tháng 6	Thông báo hoãn tổ chức Phiên họp lần thứ tư của JEM/JIC
Tháng 7	Thông báo lịch phát sóng phóng sự về VPA/FLEGT và yêu cầu về gỗ hợp pháp cho hộ gia đình và doanh nghiệp (do Tổng cục Lâm nghiệp thực hiện)
Tháng 8	Mời tham dự hội thảo tham vấn về dự thảo Thông tư quy định phân loại doanh nghiệp (do Cục Kiểm lâm và GIZ thực hiện)
Tháng 9	Mời tham dự sự kiện ra mắt khóa học trực tuyến về trách nhiệm giải trình trong nhập khẩu gỗ tại Việt Nam (do GIZ thực hiện)
Tháng 9	Mời tham dự cuộc họp góp ý tài liệu hướng dẫn truyền thông về VPA/FLEGT (do Trung tâm Giáo dục và Phát triển thực hiện)
Tháng 9	Đề nghị cập nhật thông tin vào Bảng giám sát tiến độ thực hiện VPA/FLEGT
Tháng 9	Mời tham dự hội thảo tổng kết Dự án FAO FLEGT – Trung tâm Giáo dục và Phát triển
Tháng 9	Mời tham dự hội thảo tổng kết Dự án FAO FLEGT – Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
Tháng 9	Mời tham dự hội thảo tổng kết Dự án FAO FLEGT về truyền thông và công bố thông tin về Hiệp định VPA/FLEGT – Tổng cục Lâm nghiệp
Tháng 9	Mời tham dự hội thảo tổng kết Dự án FAO FLEGT – TRAFFIC
Tháng 10	Đề nghị góp ý dự thảo Bảng so sánh giữa Hiệp định VPA/FLEGT và quy định pháp luật trong nước
Tháng 10	Mời tham dự Cuộc họp lần thứ 10 của Nhóm nòng cốt đa bên
Tháng 10	Thông báo bổ sung đại diện Nhóm nòng cốt tham dự các phiên họp JEM/JIC

Phụ lục 5. Thông tin liên hệ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey

Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế

Tổng cục Lâm nghiệp

Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 384 38792

Email: flegtstandingoffice.vnforest@gmail.com

Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam

Ban Hợp tác phát triển

Địa chỉ: Số 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 394 100 99

Truy cập các website sau để biết thêm thông tin:

<https://ec.europa.eu/environment/forests/flegt.htm>

www.tongcuclamnghiep.gov.vn

<http://www.euflegt.efi.int/vietnam>